

PHỤ LỤC IV
MẪU DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Kèm theo Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: BỆNH VIỆN MẮT-TMH-RHM AN GIANG
2. Địa chỉ: 12B Lê Lợi, Phường Mỹ Bình, Thành Phố Long Xuyên, An Giang.
3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:¹ 24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần.
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
1	Mã Lan Thanh	001122/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Giám đốc - Chuyên khoa nội
2	Trần Tuấn Huy	000034/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó Giám đốc - Chuyên khoa mắt
3	Trần Thị Lài	000029/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa RHM	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Chủ tịch công đoàn - Chuyên khoa RHM
4	Dương Tòng Chinh	000035/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng phòng KHTH - Chuyên khoa mắt
5	Thái Đức Lộc	002636/AG-CCHN	Chuyên khoa TMH - Gây mê hồi sức	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó trưởng phòng KHTH - Chuyên khoa TMH và gây mê hồi sức

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
6	Đoàn Văn Tiến	002609/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng phòng điều dưỡng
7	Trần Bé Thi	003428/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó trưởng phòng điều dưỡng
8	Trần Thanh Bình	001376/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng khoa mắt - Chuyên khoa mắt
9	Dương Minh Giang	000312/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó Trưởng khoa mắt - Chuyên khoa mắt
10	Huỳnh Nền Mơ	0005457/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa mắt
11	Nguyễn Thị Thu Hường	001079/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa mắt
12	Nguyễn Sơn Thái	002106/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa mắt
13	Nguyễn Viết Bình	0005015/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa mắt
14	Lê Hồ Bảo Trân	07774/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Mắt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa mắt

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
15	Nguyễn Thị Ngọc Thêu	008138/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
16	Đặng Thành Trí	008948/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
17	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	008891/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
18	Phạm Thanh Trung	001132/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
19	Nguyễn Thị Hồng Vân	001207/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
20	Lê Mai Thi	001095/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
21	Trần Văn Giồng	001445/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
22	Nguyễn Thị Thu Hoài	0008892/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
23	Lê Thị Xuân Diễm	000574/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên

TIN
BỆNH
MÃ
TẠI MŨI
RĂNG HÀ
S

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
24	Tôn Thanh Thoại	001997/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
25	Võ Ngọc Thiện	000217/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
26	Hùynh Đức Toàn	0004582/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
27	Trần Thị Như Nguyệt	0004789/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
28	Cao Thùy Trang	0004650/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
29	Ngô Thị Huỳnh Giao	0005321/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
30	Võ Huy Hoàng	0004575/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
31	Hồ Minh Lợi	0006446/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
32	Huỳnh Quang Tuấn	07720/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
33	Phùng Khánh Quyên	007609/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó trưởng khoa TMH – Chuyên khoa TMH
34	Bùi Văn Chánh	000499/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa TMH
35	Hồ Mộng Hùng	001059/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa TMH
36	Nguyễn Tuấn Đoàn	002169/AG-CCHN	Gây mê hồi sức/Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng theo quy định tại QĐ số 3939/QĐ-SYT ngày 01/12/2014	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa TMH - Chuyên khoa Gây mê hồi sức và TMH
37	Trần Hồng Như	0005645/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng/Gây mê hồi sức theo quy định tại QĐ 1344/QĐ-SYT ngày 12/03/2019	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa TMH - Chuyên khoa Gây mê hồi sức và TMH
38	Phạm Quang Sơn	07716/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa TMH
39	Bằng Trung Lập	0005734/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa TMH
40	Tạ Thị Diễm Loan	0004640/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
41	Lê Thị Hải Yến	001155/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên

H
VIỆN
T
HỌNG
MẮT

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
42	Mai Thị Phương	002132/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
43	Trần Thị Thanh Thúy	002129/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
44	Huỳnh Trọng Nguyễn	08031/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
45	Đỗ Thị Cẩm Lai	002024/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
46	Nguyễn Thị Bạch Lê	002025/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
47	Lê Thị Hồng Mỹ	001049/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
48	Đoàn Vĩnh Phú	002049/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
49	Nguyễn Thị Hồng Nhung	0004313/AG-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Gây mê hồi sức	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên gây mê
50	Nguyễn Văn Cường	009330/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
51	Trần Văn Nghiệp	002572/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
52	Nguyễn Đình Đông	0004621/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
53	Nguyễn Thụy Anh Đào	0004641/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
54	Lê Thị Hà	0004787/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
55	Vương Thị Tuyền	008951/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
56	Trần Thị Kim Cương	009008/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
57	Nguyễn Thị Trúc Đào	006797/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
58	Phan Thị Trường Xuân	001378/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Trưởng Khoa RHM - Chuyên khoa RHM
59	Phạm Thị Anh Thư	000031/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Phó trưởng Khoa RHM - Chuyên khoa RHM

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
60	Cao Nguyễn Phương	000821/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên Khoa RHM
61	Lê Ngọc Tường Vân	000030/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên Khoa RHM
62	Phạm Văn Lộc	000032/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên Khoa RHM
63	Trần Thị Thủy Trâm	001193/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên Khoa RHM
64	Nguyễn Tuyết Minh	0004468/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên Khoa RHM
65	Lê Nhựt Tiến	0005700/AG-CCHN	Khám và điều trị chuyên khoa Răng Hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên Khoa RHM
66	Quang Nguyễn Thanh Bình	001975/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
67	Huỳnh Thị Kim Thoa	009010/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
68	Nguyễn Thị Thủy Vân	001092/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
69	Lê Thị Kim Trúc	001091/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
70	Trương Văn Thiện	001297/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
71	Nguyễn Thái Lan Phương	0004470/AG-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về phục hình răng	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
72	Phan Thị Khải Yến	003136/AG-CCHN	Chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
73	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	0004574/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
74	Huỳnh Phi Đăng	0006073AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
75	Nguyễn Thị Kiều Oanh	006798/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
76	Lê Thị Nga	008949/AG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Thông tư LT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
77	Lý Thị Xinh	000498/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Quản lý khoa XN-CDHA – Chuyên khoa TMH



STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
78	Giang Tuyết Vân	000152/AG-CCHN	Xét nghiệm/Chẩn đoán hình ảnh theo quy định tại QĐ số 1751/QĐ-SYT ngày 27/5/2014	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên khoa xét nghiệm- CDHA
79	Dương Hoàng Giang	001340/AG-CCHN	Thực hiện Kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
80	Hà Ngô Nhứt Tánh	001093/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
81	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	001256/AG-CCHN	Thực hiện Kỹ thuật chuyên môn hình ảnh y học	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
82	Nguyễn Văn Nhân	08034/AG-CCHN	Theo Thông tư 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
83	Lữ Thanh Thúy	008544/AG - CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
84	Võ Tấn Đạt	006540/AG-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên
85	Nguyễn Lâm Anh Thư	07771/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên KHTH – Chuyên khoa RHM
86	Trần Thị Hạnh	002605/AG-CCHN	Theo quy định tại QĐ 41/2005QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn ²
87	Trần Thị Kim Ngân	00210/AG-CCHN	Y sĩ Sản Nhi	Thứ 2 – 6: 7g -11g, 13g – 17g Trực theo lịch	Nhân viên

An Giang, ngày 9 tháng 12 năm 2021
 Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật
 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Mã Lan Thanh

